

Bản án số: 130/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30 – 5 – 2023

“V/v ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Văn Ngọc.

- Ông Hoàng Văn Hào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 107/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Th. Sinh năm 198x. Địa chỉ: Xóm 4, xã GST, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hữu V. Sinh năm 197x. Địa chỉ: Xóm 4, xã GST, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản lấy lời khai nguyên đơn là bà Lê Thị Th trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Th và ông Trần Hữu V làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 27/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã GS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn giữa bà Lê Thị Th và ông Trần Hữu V là trên tinh thần tự nguyện của hai bên, không bị ai ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Trần Hữu V có hành vi đánh đập và có những lời nói xúc phạm bà Lê Thị Th. Từ tháng 5/2022 đến nay vợ chồng sống ly thân. Bà Lê Thị Th thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Lê Thị Th được ly hôn ông Trần Hữu V.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Lê Thị Th và ông Trần Hữu V có 02 con chung là Trần Hữu D – sinh ngày 21/12/200x, Trần Thị Thảo V – sinh ngày 09/6/201x. Ly hôn thì bà Lê Thị Th đề nghị Tòa án giao cho mỗi người được nuôi 01 (Một) con chung, cụ thể là giao cho bà Lê Thị Th được

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Thảo V; giao cho ông Trần Hữu V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Hữu D.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Lê Thị Th được ly hôn ông Trần Hữu V; đề nghị giao cho ông Trần Hữu V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2023, bị đơn là ông Trần Hữu V trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Th và ông Trần Hữu V làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 27/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã GS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn giữa bà Lê Thị Th và ông Trần Hữu V là trên tinh thần tự nguyện của hai bên, không bị ai ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến đầu năm 2023. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Từ đầu năm 2023 đến nay vợ chồng sống chung trong nhà nhưng không nói chuyện với nhau là do bà Lê Thị Th tự xa lánh ông Trần Hữu V. Ông Trần Hữu V thấy tình cảm vợ chồng đang còn nên không đồng ý ly hôn. Nếu bà Lê Thị Th kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông Trần Hữu V đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Lê Thị Th và ông Trần Hữu V có 02 con chung là Trần Hữu D – sinh ngày 21/12/200x, Trần Thị Thảo V – sinh ngày 09/6/201x. Nếu Tòa án giải quyết cho bà Lê Thị Th ly hôn ông Trần Hữu V thì ông Trần Hữu V đề nghị Tòa án giao 02 (Hai) con chung cho ông Trần Hữu V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông V không yêu cầu bà Lê Thị Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Hữu V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phần tranh luận: Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà Lê Thị Th được ly hôn ông Trần Hữu V; giao cho ông Trần Hữu V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Hữu D, Trần Thị Thảo V; không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An sau khi nhận xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phân tích nội dung vụ án; đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Th được ly hôn ông Trần Hữu V.

- Về con chung: Giao cho ông Trần Hữu V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung là Trần Hữu D – sinh ngày 21/12/200x và Trần Thị Thảo V – sinh ngày 09/6/201x. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Lê Thị Th.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Th, ông Trần Hữu V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc bà Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Trần Hữu V có địa chỉ tại xóm 4, xã GST, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Bà Lê Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con với ông Trần Hữu V, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Vụ án ly hôn giữa bà Lê Thị Th và ông Trần Hữu V, Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng đã có ý kiến trình bày đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn đã có ý kiến trình bày đầy đủ, việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Th, ông Trần Hữu V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 27/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã GS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, do đó hôn nhân giữa bà Lê Thị Th và ông Trần Hữu V là hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy việc bà Lê Thị Th, ông Trần Hữu V mặc dù cùng sống chung trong một nhà nhưng hai người không có tiếng nói chung, không chăm lo cho nhau, không người nào có biện pháp để giữ gìn hạnh phúc gia đình, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th và giải quyết cho bà Lê Thị Th được ly hôn ông Trần Hữu V.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Lê Thị Th và ông Trần Hữu V có 02 (Hai) con chung là Trần Hữu D – sinh ngày 21/12/200x, Trần Thị Thảo V – sinh ngày 09/6/201x. Ông Trần Hữu V, bà Lê Thị Th đều đề nghị Tòa án giao cho ông Trần Hữu V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung và 02 (Hai) con chung đều có nguyện vọng được chung sống với ông Trần Hữu V nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cho ông Trần Hữu V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Hữu V không yêu cầu bà Lê Thị Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Lê Thị Th.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Th được ly hôn ông Trần Hữu V.

2. Về con chung: Giao cho ông Trần Hữu V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (Hai) con chung chưa thành niên là Trần Hữu D – sinh ngày 21/12/200x và Trần Thị Thảo V – sinh ngày 09/6/201x cho đến khi đủ 18 tuổi.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Lê Thị Th.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Lê Thị Th đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002926 ngày 04/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Giang Sơn Tây;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Hà